

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 4 - 2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Trần Xuân Tiến H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt Chị N, anh H (Chị N xin vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với Anh Trần Xuân Tiến H vào ngày 31/10/2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có quan hệ ngoài luồng, thường xuyên chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình. Chị và anh H luôn bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, va chạm. Chị và anh H sống ly thân nhau từ khoảng tháng 05/2019 đến nay chấm dứt quan hệ tình cảm. Chị đã cố gắng níu kéo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có gì thay đổi. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H vắng mặt không lý do.

Ngày 30/01/2020, ông Trần Xuân T là bố đẻ Anh Trần Xuân Tiến H cho biết: Anh Trần Xuân Tiến H và Chị Nguyễn Thị Thanh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 31/10/2017 và được gia đình ông tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn anh H, Chị N sống cùng gia đình ông một thời gian, sau đó sang nhà Chị N ở tỉnh Thái Bình mở quán kinh doanh dịch vụ internet. Quá trình chung sống giữa anh H, Chị N có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn kinh tế bị thua lỗ nên hai anh, chị có xảy ra cãi vã, va chạm. Gia đình hai bên cũng khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi. Ngoài ra, còn nguyên nhân nào khác thì ông không rõ. Hiện nay, anh H và Chị N đang sống ly thân. Về con chung: Anh H và Chị N không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa anh H và Chị N không có gì liên quan.

Anh H và gia đình ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án huyện Ý Yên về việc Chị N xin ly hôn anh H. Anh H biết việc Chị N xin ly hôn, có quan điểm đồng ý ly hôn nhưng do bận công việc nên không thể lên Tòa án giải quyết, tham gia tố tụng tại Tòa án được mà tùy Chị N giải quyết ly hôn đơn phương vì anh H đã ký đơn ly hôn cho Chị N rồi.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, ông Trần Xuân T đã nhận các văn bản tố tụng này nhưng từ chối ký biên bản tổng đạt. Tòa án đã giải thích, hướng dẫn ông T viết đơn đề nghị, trình bày lý do, quan điểm của gia đình, thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân nhưng ông T vẫn từ chối, chỉ nhận văn bản và không làm gì khác vì ông cho rằng đây là việc riêng của anh H và Chị N, ông chỉ nhận thay anh H các văn bản của Tòa án và cam đoan đã giao lại cho anh H khi anh H về.

Về phía địa phương cho biết: Anh Trần Xuân Tiến H và Chị Nguyễn Thị Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 31/10/2017 tuân thủ đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống một thời gian ngắn tại địa phương thì đi làm ăn kinh tế. Về việc mâu thuẫn giữa anh, chị như thế nào địa phương không nắm rõ do anh H, Chị N chưa lần nào yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp. Về con chung: Hiện anh H, Chị N không có con chung. Về bất động sản tại địa phương: Anh H, Chị N không có bất động sản chung. Các tài sản khác, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân giữa

anh H, Chị N địa phương không nắm cụ thể. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Toà án giải quyết vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, Chị N có mặt, anh H vắng mặt. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị N xin giải quyết vắng mặt. Anh H mặc dù được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của Chị N đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị Thanh N.

Về con chung: Giữa Chị N và anh H không có con chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” do nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thanh N thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn Anh Trần Xuân Tiến

H có nơi cư trú tại thôn L, xã T, huyện Y tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị N có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N và Anh Trần Xuân Tiến H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị làm kinh tế bị thua lỗ không khắc phục được dẫn đến hai bên bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm, cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 05/2019 đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh H. Về phía anh H, mặc dù anh biết việc Chị N xin ly hôn, đã được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với Chị N nữa. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh H vẫn vắng mặt. Chị N đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh H nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của Chị N, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị Thanh N và Anh Trần Xuân Tiến H.

2. Về con chung: Chị N và anh H không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001293, ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị N và anh H được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã T: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích